

Quận H, ngày 17 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ H**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 493/2020/HNST ngày 20 tháng 11 năm 2020, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tổ tụng sau đây:

*Người yêu cầu:*

1. Bà Trần Thúy Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 51/7 đường L, Tổ 3, Khu phố 5, phường B, Quận H, Thành phố H.

2. Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: 90/21/7 Đường số 10, Khu phố 1, phường C, Quận H,  
Thành phố H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận H nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận H.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyền số: 01/2007 ngày 24/12/2007 tại Ủy ban nhân phường C, Quận H, Thành phố H thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thúy Đ và ông Nguyễn Hữu B là hợp pháp.

Căn cứ Biên bản hòa giải, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, nhận thấy:

Hôn nhân giữa bà Trần Thúy Đ và ông Nguyễn Hữu B là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà Đ và ông B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Trần Thúy Đ và ông Nguyễn Hữu B cùng xác nhận có 02 (hai) người con chung tên: Nguyễn Thúy A, sinh ngày 18/8/2008 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 08/3/2012. Khi ly hôn, bà Đ và ông B thống nhất để bà Đ nuôi 02 (hai) con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của ông B về việc cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung mỗi tháng 6.000.000 (sáu mươi triệu) đồng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng.

Về tài sản chung: Bà Trần Thúy Đ và ông Nguyễn Hữu B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thúy Đ và ông Nguyễn Hữu B thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số: 01/2007 ngày 24/12/2007 tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận H, Thành phố H chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Bà Trần Thúy Đ và ông Nguyễn Hữu B cùng xác nhận có 02 (hai) người con chung tên: Nguyễn Thúy A, sinh ngày 18/8/2008 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 08/3/2012. Khi ly hôn, bà Đ và ông B thống nhất để bà Đ nuôi 02 (hai) con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của ông B về việc cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung mỗi tháng 6.000.000 (sáu mươi triệu) đồng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng.

Các đương sự thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với

thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Nguyễn Hữu B được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thúy Đ và ông Nguyễn Hữu B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Thúy Đ tự nguyện chịu. Bà Đ đã nộp tạm ứng lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0028216 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận H lập ngày 20/11/2020. Bà Đ đã nộp đủ lệ phí việc dân sự, ông Nguyễn Hữu B không phải nộp lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận H;
- VKSND Quận H;
- Ủy ban nhân dân phường C;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Thu**